



GV VŨ THỊ SAI

.....o0o.....

LÍ LUẬN GIÁO DỤC



LÝ LUẬN GIÁO DỤC

Trong quá trình giáo dục toàn vẹn gồm hai mặt có quan hệ chặt chẽ với nhau: Quá trình dạy học (QTDH) và Quá trình giáo dục (QTGD) (theo nghĩa hẹp). QTDH chức năng trội là nhận thức cuộc sống, còn QTGD chức năng trội là xây dựng thái độ đối với cuộc sống.

Trong QTGD toàn vẹn: dạy học bao giờ cũng thực hiện cả chức năng giáo dục, còn giáo dục cũng góp phần vào chức năng nhận thức cuộc sống. Mối quan hệ giữa dạy học và giáo dục chính là mối quan hệ giữa phương tiện và mục đích. Tuy nhiên dạy học và giáo dục nó cũng có đặc điểm riêng, quy luật riêng, hình thức tổ chức riêng và phương pháp riêng.

Tất cả vấn đề trên được xem xét trong lý luận giáo dục. Lý luận giáo dục (được hiểu theo nghĩa hẹp) là chuyên ngành của giáo dục học. Đó là hệ thống lý luận về tổ chức QTGD nhằm góp phần hình thành nhân cách của người được giáo dục.

Hệ thống lý luận giáo dục gồm những vấn đề cơ bản sau đây: Những tri thức về bản chất của quá trình giáo dục là những tri thức đặc trưng cơ bản của quá trình giáo dục, về các yếu tố cấu trúc của quá trình, các đặc điểm, về các qui luật, động lực của quá trình và về logic của quá trình giáo dục. Từ những tri thức đó giúp ta nhận thức các nguyên tắc giáo dục; các phương pháp giáo dục; nội dung giáo dục; các hình thức tổ chức giáo dục.

Lý luận giáo dục cung cấp tri thức cho nhà giáo dục làm tốt công tác giáo dục thế hệ trẻ.

CHƯƠNG I - QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC

Muốn tổ chức có hiệu quả QTGD cho học sinh cần phải có quan niệm đúng đắn về bản chất của QTGD trong nhà trường.

II. Khái niệm và cấu trúc của QTGD:

1. Khái niệm của QTGD:

QTGD là một quá trình tác động chủ đạo, có định hướng của nhà giáo dục đến người được giáo dục nhằm giúp người được giáo dục tự giác, tích cực chuyển hóa những yêu cầu, những chuẩn mực xã hội thành những phẩm chất nhân cách, hệ thống định hướng giá trị, lối sống, qui tắc sống của cá nhân.

Từ khái niệm trên ta rút ra được ý cơ bản sau đây:

- **QTGD là một quá trình:** Đối với mỗi con người, QTGD diễn ra suốt đời, mở đầu khi con người được sinh ra, kết thúc khi con người ngừng thở. Trong suốt đời người diễn ra sự biến đổi sinh lý qua các lứa tuổi, tâm lý cũng thay đổi, đồng thời cùng với hoạt động và giao tiếp con người tham gia các mối quan hệ xã hội vì vậy QTGD diễn ra hết sức phức tạp, không phẳng lặng, mà thăng trầm qua các giai đoạn lịch sử.

Trong QTDH có thể xác định, định lượng, định tính, thời gian ngắn hơn, ít phức tạp hơn, và phạm vi trong nhà trường.

Còn QTGD, kết quả rất khó xác định, quá trình diễn ra lâu dài, phức tạp và phạm vi hoạt động thì rất rộng (gia đình, nhà trường và xã hội).

- **QTGD là quá trình xã hội hóa tích cực.** QTGD mang tính xã hội rất cao. Đó là nhà giáo dục lựa chọn, tổ chức thường xuyên, liên tục các hoạt động xã hội tích cực cho người được giáo dục, qua đó rèn luyện đạo đức cho cá nhân.
- **Trong QTGD, nhà giáo dục đóng vai trò chủ đạo** (chủ thể tác động)
 - o Lực lượng tham gia vào QTGD là gia đình, nhà trường, xã hội, những người xung quanh và nhóm bạn bè thân thích.
 - o Trong các lực lượng này, nhà trường giữ vai trò chủ đạo:
 - Xây dựng mục đích giáo dục: mô hình nhân cách mà trong đó cốt lõi là hệ thống định hướng giá trị.
 - Nội dung giáo dục chính là hệ thống định hướng giá trị: gồm hệ thống đạo đức, thế giới quan, niềm tin, khát vọng,... của con người sao cho phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện tại và hướng con người tự chọn.
 - Lựa chọn phương pháp, hình thức, phương tiện giáo dục sao cho phù hợp. Đây chính là vai trò của người tổ chức, điều khiển, định hướng quá trình hình thành phẩm chất nhân cách của người được giáo dục.
- **Trong QTGD, người được giáo dục với tư cách là đối tượng giáo dục.**
 - o Là học sinh, và cả những người đặc biệt, đầy phức tạp (gồm những tội phạm, tệ nạn xã hội, trẻ em chưa ngoan, những người khuyết tật...).
 - o Là đối tượng(khách thể) bởi vì chịu sự tác động có tính định hướng của nhà giáo dục.
 - o Mặt khác người được giáo dục với tư cách là chủ thể QTGD vì: quá trình đó cá nhân không hưởng ứng một cách thụ động, cứng nhắc mà tiếp thu có chọn lọc, chủ động, tích cực phù hợp với hứng thú, nhu cầu, quan điểm, tình cảm, niềm tin, vốn sống cá nhân. Người được giáo dục có thể tự tổ chức, tự điều khiển, điều chỉnh, tự cải biến để hoàn thiện nhân cách của mình.

Trong QTGD, không phải lúc nào nhà giáo dục cũng giữ vai trò chủ đạo, vai trò này còn phụ thuộc vào khả năng tự cải biến của cá nhân (khả năng tự giáo dục). Như vậy trong quá trình diễn ra sự tác động qua lại tích cực giữa nhà giáo dục và người được giáo dục. Nếu không có sự tác động qua lại thì sẽ không có bản thân QTGD theo đúng nghĩa của nó.

Nói khác đi, QTGD diễn ra sự tác động qua lại tích cực và thống nhất biện chứng giữa giáo dục và tự giáo dục.

2. Cấu trúc của quá trình giáo dục:

Theo quan điểm tiếp cận hệ thống toàn vẹn thì QTGD là một bộ phận của quá trình sự phạm. QTGD cũng có cấu trúc gồm những nhân tố sau: mục đích và nhiệm vụ giáo dục,

nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương tiện giáo dục, nhà giáo dục, người được giáo dục và kết quả giáo dục.

2.1. Mục đích và nhiệm vụ giáo dục:

Việt Nam đang trong giai đoạn mở cửa, nền kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước sự biến động của nền kinh tế xã hội ấy, nền giáo dục Việt Nam cũng phải biến đổi để đáp ứng yêu cầu xã hội.

Mục tiêu giáo dục là **“đào tạo con người Việt nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của người công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”**.

(trích Điều 2, Luật giáo dục, năm 2000)

Để thực hiện mục đích trên QTGD phải hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục nhất định:

- Tổ chức hình thành và phát triển ở người được giáo dục ý thức cá nhân về các chuẩn mực xã hội nói chung, các chuẩn mực đạo đức, pháp luật nói riêng đã được qui định. Ý thức cá nhân là một thể thống nhất giữa sự hiểu biết cá nhân về các chuẩn mực xã hội và niềm tin cá nhân về ý thức xã hội và ý thức cá nhân của các chuẩn mực đó.
- Tổ chức hình thành phát triển ở người được giáo dục xúc cảm, tình cảm tích cực có tác dụng như **“chất men”** đặc biệt thúc đẩy cá nhân chuyển hoá ý thức về các chuẩn mực xã hội thành hành vi và thói quen tương ứng.
- Tổ chức hình thành phát triển ở người được giáo dục hệ thống hành vi phù hợp với các chuẩn mực xã hội đã được quy định và không những thế lại còn tổ chức cho họ tự lập đi lập lại hệ thống hành vi thành thói quen bền vững, gắn bó mật thiết với nhu cầu tích cực của cá nhân.

Nhân tố mục đích và nhiệm vụ là vị trí hàng đầu của QTGD. Nó có ý nghĩa định hướng và quyết định cho sự vận động và phát triển của QTGD.

2.2. Nội dung giáo dục:

Nội dung giáo dục qui định hệ thống những chuẩn mực xã hội cần giáo dục cho người được giáo dục trong nhà trường phổ thông gồm các vấn đề sau đây:

- Thế giới quan khoa học: là hệ thống quan điểm của con người về thế giới tự nhiên, xã hội, tư duy.
- Đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Các nguyên tắc đạo đức cơ bản.
- Hệ thống các giá trị.
- Ý thức pháp luật.
- Giáo dục những vấn đề toàn cầu của thời đại: hoà bình, dân số, môi trường, năng lượng, bệnh sida, đói nghèo.

Nội dung giáo dục chịu sự chi phối của mục đích và nhiệm vụ giáo dục, nó được phục vụ cho việc thực hiện mục đích, nhiệm vụ giáo dục.

2.3 Phương pháp và phương tiện giáo dục:

Phương pháp và phương tiện giáo dục là những cách thức phương tiện hoạt động thống nhất của nhà giáo dục và người được giáo dục nhằm giúp cho người được giáo dục chuyển hoá những chuẩn mực xã hội thành những hành vi, thói quen đạo đức, vốn sống kinh nghiệm của cá nhân phù hợp với mục đích giáo dục.

Các phương pháp giáo dục được thực hiện trong các hình thức giáo dục đa dạng ở trên lớp, trong trường và ngoài trường.

Phương pháp giáo dục chịu sự chi phối của nội dung giáo dục.

2.4 Đối tượng giáo dục:

Người được giáo dục được coi là đối tượng giáo dục, nhận được sự tác động có định hướng của nhà giáo dục. Song người được giáo dục không phải là thực thể thụ động, mà là thực thể chủ động, tích cực, họ tiếp thu những tác động giáo dục một cách chọn lọc dựa trên hứng thú, nhu cầu, quan điểm, tình cảm, niềm tin của cá nhân, họ có khả năng tự vận động, tự cải biến, tự điều chỉnh, tự hoàn thiện bản thân. Kết quả QTGD là cá nhân tự giác tích cực chuyển hoá những chuẩn mực xã hội thành phẩm chất đạo đức, hệ thống định hướng giá trị, lối sống của cá nhân. Với ý nghĩa trên họ hoạt động với tư cách là chủ thể tự giáo dục.

2.5 Nhà giáo dục:

Nhà giáo dục với tư cách là chủ thể tác động có vai trò chủ đạo: tổ chức điều khiển quá trình hình thành nhân cách của người được giáo dục một cách có mục đích có kế hoạch, có phương pháp, có tổ chức hợp lý. Qua đó kích thích và phát triển người được giáo dục tính tự giác, tích cực tự giáo dục.

Trong QTGD không phải bất cứ lúc nào nhà giáo dục cũng giữ vai trò chủ đạo mà nó còn phụ thuộc vào khả năng tự hoàn thiện của mỗi cá nhân.

2.6 Kết quả giáo dục:

Kết quả giáo dục phản ánh kết quả vận động và phát triển không ngừng của các thành tố: mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện, người giáo dục, người được giáo dục. Trong đó vận động tích cực của người được giáo dục là yếu tố bên trong và quyết định đến kết quả giáo dục.

Kết quả giáo dục thể hiện ở chỗ người được giáo dục phát triển ý thức về các chuẩn mực xã hội đã được quy định. Phát triển tình cảm, hành vi, thói quen tích cực phù hợp với mục đích giáo dục. Kết quả giáo dục là sự trưởng thành, sự lớn lên về mặt giá trị trong đạo đức nhân cách của mỗi cá nhân. Hệ thống định hướng giá trị, đạo đức trong mỗi cá nhân luôn biến đổi, phát triển, hoàn thiện cùng với hoạt động, giao tiếp của cá nhân.

Tất cả các nhân tố trên tồn tại và phát triển trong mối quan hệ biện chứng với nhau. Nó tồn tại và phát triển trong mối quan hệ biện chứng với môi trường kinh tế xã hội: môi

trường kinh tế xã hội vừa đề ra yêu cầu, vừa tạo điều kiện cho các nhân tố giáo dục của QTGD. Các nhân tố QTGD tác động trở lại với môi trường kinh tế xã hội.

II. Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục:

1. Bản chất của quá trình giáo dục:

QTGD về bản chất là quá trình chuyển hoá tích cực, tự giác những chuẩn mực xã hội đã được quy định thành hành vi và thói quen tương ứng của người được giáo dục dưới tác động chủ đạo của nhà giáo dục.

QTGD là quá trình xã hội hóa được thể hiện trong 3 môi trường giáo dục:

- **Gia đình:** Khi sinh ra, người mẹ là người đầu tiên trẻ tiếp xúc và cũng chính thức quá trình xã hội hóa bắt đầu. Người mẹ dạy cho con những chuẩn mực xã hội đầu tiên, dạy cho con học những gì phải làm, học những gì không được làm, học ngôn ngữ, học các giá trị xã hội để thích ứng được với xã hội. Quá trình xã hội hóa chính là quá trình mô phỏng thông qua tấm gương của cha mẹ, là quá trình tái tạo lại bản thân về mặt văn hóa và xã hội. Quá trình xã hội hóa là cá nhân lĩnh hội kinh nghiệm xã hội một cách dần dần từ môi trường hẹp đến môi trường xã hội rộng lớn. Gia đình chính là môi trường vi mô cực kỳ quan trọng, là giai đoạn xã hội tiền khởi, nhưng không có nghĩa là quá trình xã hội hóa gia đình chỉ dừng lại ở giai đoạn tiền khởi mà diễn ra suốt cuộc đời như một quá trình liên tục. Gia đình chính là cầu nối giữa cá nhân và xã hội. Gia đình tham gia vào tất cả các giai đoạn xã hội hóa trong chu trình sống của con người. Gia đình có vai trò quan trọng là hướng dẫn hoạt động cho trẻ: tổ chức cuộc sống trong gia đình, dạy cách chào hỏi, mời, dạy cách ứng xử, xem chương trình truyền hình nào, học trường nào, chơi với ai, giúp trẻ nhận thức đúng sai, ý thức trách nhiệm với cha mẹ, với người xung quanh, với cộng đồng...
- **Nhà trường:** là tổ chức xã hội tiến bộ, tích cực. Quá trình xã hội hóa diễn ra ở nhà trường rất qui mô, khoa học, có tổ chức, có kế hoạch. Giáo dục nhà trường là con đường xã hội hóa ngắn nhất, mang lại hiệu quả cao. Giáo dục nhà trường luôn đi trước, dự báo, hoạch định cho tương lai. Giáo dục nhà trường còn chuẩn bị mọi mặt cho cá nhân thích ứng, hòa nhập với yêu cầu xã hội.

Nhiệm vụ giáo dục nhà trường lựa chọn tổ chức các hoạt động giáo dục đưa các em tham gia tích cực vào các hoạt động qua đó rèn luyện hành vi và thói quen đạo đức; phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường để tạo sức mạnh giáo dục đồng bộ, tạo môi trường giáo dục lành mạnh.

- **Xã hội:** là lực lượng giáo dục ngoài gia đình, nhà trường nhưng lại có mối quan hệ rất mật thiết, tác động rất mạnh đến gia đình và nhà trường. Xã hội là môi trường rộng lớn, chịu ảnh hưởng của nền kinh tế- xã hội, các thiết chế xã hội... song sự tương tác, kiểm soát các mối quan hệ xã hội rất lỏng lẻo vì vậy không thể tránh khỏi những yếu tố tiêu cực gây nhiễu, gây khó khăn cho QTGD.

Thực chất QTGD là quá trình xã hội hoá, là quá trình con người tiếp thu nền văn hoá xã hội, thừa nhận những quy tắc xã hội, trải nghiệm những quy tắc xã hội trong hành vi của mình, đồng thời qua đó tạo dựng nền văn hoá xã hội. Trong cuộc sống, con người tiếp thu

kinh nghiệm xã hội, những giá trị và chuẩn mực, chuẩn bị vai trò xã hội để hoà nhập vào đời sống cộng đồng.

Quá trình xã hội hoá tích cực là quá trình tác động có định hướng của xã hội đến cá nhân, nhưng cá nhân không tiếp thu thụ động, bắt chước các khuôn mẫu hành vi, các vai trò xã hội. Đó là con đường cá nhân tiếp thu các chuẩn mực xã hội một cách tích cực, chủ động, là quá trình chọn lọc thực sự tự giác. Quá trình cá nhân tiếp thu những giá trị, những quy tắc xã hội và biến thành hệ thống định hướng giá trị cho riêng mình. Quá trình hình thành hệ thống định hướng giá trị của cá nhân phát triển theo hình xoáy ốc, theo thể thống nhất toàn vẹn. Chúng hình thành ở trong gia đình, nhà trường, xã hội. Trong đó vai trò nhà trường là chủ đạo, định hướng, người tổ chức các hoạt động qua đó cá nhân tiếp thu kinh nghiệm, các chuẩn mực xã hội ...

2. Đặc điểm của quá trình giáo dục:

2.1. QTGD gắn chặt với QTDH

Hai quá trình dạy học và giáo dục diễn ra đồng thời và thống nhất với nhau ở mục đích: đào tạo con người phát triển toàn diện.

QTDH không những giúp con người nắm vững được hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, phát triển năng lực hoạt động trí tuệ mà còn hình thành và phát triển thế giới quan khoa học, những phẩm chất nhân cách của người công dân, người lao động.

QTGD tốt sẽ tạo điều kiện, thúc đẩy hoạt động học tập của học sinh: xác định thế giới quan, động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có phẩm chất nhân cách: trung thực, độc lập, sáng tạo, vượt khó...

Nội dung tất cả các bộ môn khoa học đều tham gia vào QTGD phẩm chất đạo đức cho học sinh.

Không chỉ nội dung dạy học mới góp phần giáo dục mà cả phương pháp, nguyên tắc, hình thức tổ chức dạy học cũng góp phần giáo dục.

Mối quan hệ giữa QTDH với QTGD là mối quan hệ phương tiện với mục đích. Thông qua dạy **chữ** để dạy **người**.

2.2. QTGD là quá trình biện chứng, lâu dài, phức tạp:

2.2.1. Tính biện chứng:

QTGD tuân theo phép biện chứng: tính phổ biến và liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng; qui luật thống nhất, đấu tranh giữa các sự vật hiện tượng; qui luật lượng, chất; phủ định của phủ định...

- QTGD là quá trình biến đổi, phát triển không ngừng về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho phù hợp với đối tượng giáo dục đang trong giai đoạn trưởng thành trong điều kiện xã hội luôn biến động.
- Nhà sư phạm luôn lựa chọn nội dung, phương pháp, cách tổ chức cho phù hợp tình huống sư phạm dựa trên sự linh hoạt, khéo léo, tế nhị và nghệ thuật sư phạm của nhà giáo dục.
- Là quá trình giải quyết các mâu thuẫn đang nảy sinh trong sự phát triển nhân cách của học sinh.

2.2.2. Tính lâu dài: (tính vĩnh hằng của QTGD).

- Đối với xã hội: QTGD xuất hiện từ thuở bình minh lịch sử loài người, nó tồn tại và phát triển cùng với lịch sử phát triển xã hội loài người, và mất đi khi loài người không còn tồn tại trên trái đất.
- Đối với mỗi con người: QTGD bắt đầu khi con người cất tiếng khóc chào đời và mất đi khi con người ngừng thở.
- QTDH được xác định, định lượng, định tính. Còn QTGD kết quả khó xác định, khó đánh giá, không bền vững.
- QTGD, người được giáo dục không phải dừng lại nắm những tri thức về chuẩn mực xã hội đã qui định, mà còn phải hình thành niềm tin, tình cảm tích cực, rèn luyện những hành vi, thói quen hành vi tương ứng.
- Đó là quá trình đòi hỏi người được giáo dục phải tiến hành cuộc đấu tranh gay gắt, liên tục giữa những quan điểm, niềm tin, tình cảm, hành vi, thói quen cũ lạc hậu.
- Nội dung giáo dục phát triển theo hình xoáy ốc

2.2.3. Tính phức tạp:

- Con đường giáo dục đi từ thấp tới cao, từ đơn giản đến phức tạp, chưa ý thức đến ý thức.
- Tính toàn vẹn trong nhân cách: khi tập trung hình thành phẩm chất đạo đức này thì đồng thời phẩm chất đạo đức khác được hình thành. Các phẩm chất đạo đức không đứng đơn lẻ mà liên kết chặt chẽ, trong nhau, trong tính tổng thể toàn vẹn.
- Sự phối hợp các lực lượng giáo dục: Gia đình, Nhà trường, Xã hội.
- Trong QTGD, người được giáo dục chịu ảnh hưởng của những tác động từ nhiều phía: gia đình, nhà trường, xã hội. Ngay trong gia đình, những tác động giáo dục đến người được giáo dục cũng không đồng bộ.
- QTGD là phối hợp nhiều nội dung, nhiều phương pháp, nhiều nhiệm vụ; kết hợp yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài.

2.3. QTGD có tính cá biệt:

- Đối tượng của QTGD là con người cụ thể, con người lịch sử.
- Mỗi con người có những đặc điểm tâm sinh lý khác nhau: di truyền ở cha mẹ hệ thống gen, hệ thần kinh, khí chất, tư chất khác nhau.
- Mỗi con người xuất thân từ mỗi gia đình khác nhau: môi trường sống, phương pháp giáo dục gia đình, lối sống, phong tục tập quán, kinh tế.
- Mỗi con người có mối quan hệ xã hội khác nhau: bạn bè, tập thể học sinh, thầy cô giáo và quan hệ xóm làng...
- Mỗi con người có trình độ vốn sống, nhu cầu, tình cảm, xu hướng và hứng thú sở trường khác nhau.
- Mỗi con người có những phản ứng không hoàn toàn giống nhau với những tác động từ bên ngoài: có người thờ ơ, có người phản ứng mạnh, có người tiếp thu ở mức độ sâu...

Từ những vấn đề trên, người làm công tác giáo dục bên cạnh những tác động chung cần phải có những tác động riêng phù hợp với từng đối tượng trong từng tình huống cụ thể. Tránh rập khuôn máy móc, hình thức.

2.4. QTGD là quá trình tổ chức cuộc sống, tổ chức các hoạt động hợp lý:

Bản chất QTGD là quá trình tổ chức, quá trình lãnh đạo các hoạt động giáo dục gồm:

- Hoạt động nhận thức
- Hoạt động lao động
- Hoạt động xã hội
- Sinh hoạt tập thể
- Vui chơi giải trí và giao lưu.

Muốn tổ chức các hoạt động có kết quả, phải xây dựng một tập thể học sinh vững mạnh mà qua đó tổ chức các hoạt động.

III. Những qui luật của quá trình giáo dục:

Bản chất của QTGD biểu hiện ở những qui luật giáo dục, khi tổ chức lãnh đạo QTGD, người làm công tác giáo dục phải nắm qui luật và vận dụng cho phù hợp đối tượng.

1. QTGD phụ thuộc vào toàn bộ nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan.

- Nhân tố khách quan: kinh tế, chính trị, văn hoá, pháp luật khoa học, dân tộc, tập quán, tâm lý xã hội, môi trường xung quanh trẻ.
- Nhân tố chủ quan: là đối tượng giáo dục có nhu cầu, hứng thú, quan điểm, tình cảm, niềm tin, tính chủ thể → chọn lọc tác động.

2. Hiệu quả QTGD phụ thuộc vào việc tổ chức hợp lý những hoạt động có ích cho xã hội và qua giao lưu của người được giáo dục.

3. Tác động sư phạm của nhà giáo dục và hoạt động tích cực, tự giác của người được giáo dục thống nhất với nhau.

4. Các tác động giáo dục có tính toàn vẹn đối với các mặt nhận thức- lý trí, tình cảm- động cơ và kỹ năng hành động- hành vi của người được giáo dục.

5. Mục đích giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục thống nhất biện chứng với nhau.

6. QTGD và QTDH thống nhất biện chứng với nhau.

IV. Động lực của quá trình giáo dục:

Là những mâu thuẫn của bản thân QTGD.

Người ta chia ra hai loại mâu thuẫn: Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài.

1. Mâu thuẫn bên trong: (Là mâu thuẫn nảy sinh ở tất cả giai đoạn của QTGD).

- MĐ, NVGD mới >< ND lạc hậu

- NDGD đổi mới >< PPGD lạc hậu
- YCGD cao >< Trình độ GD thấp
- Nhu cầu cao >< Năng lực cá nhân
- Lý trí >< Tình cảm
- Lời nói >< Việc làm

2. Mâu thuẫn bên ngoài: (Là điều kiện của sự phát triển).

- Môi trường kinh tế XH phát triển >< Yêu cầu cao đối với nhân cách
- MĐ,NVGD >< Yêu cầu GD
- Tích cực >< Tiêu cực
- Lý luận >< Thực tiễn
- Tiến bộ >< Lạc hậu
- MĐ,NVGD >< Điều kiện, phương tiện vật chất

Những mâu thuẫn bên ngoài nếu giải quyết có hiệu quả sẽ tạo điều kiện cho sự vận động và phát triển của QTGD. Tuy nhiên trong những hoàn cảnh đặc biệt vào thời điểm nào đó thì mâu thuẫn bên ngoài có tác dụng quyết định.

3. Những điều kiện để mâu thuẫn trở thành động lực:

- 3.1. Mâu thuẫn phải được người giáo dục ý thức đầy đủ
- 3.2 Mâu thuẫn phải vừa sức với người được giáo dục
- 3.3 Mâu thuẫn nảy sinh trong tiến trình giáo dục

V. Lô gic của quá trình giáo dục:

Lôgic của QTGD là trình tự thực hiện hợp lý các khâu của nó nhằm hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục đã được qui định.

1. Khâu thứ nhất: Tổ chức điều khiển học sinh nắm vững những tri thức về chuẩn mực xã hội đã được qui định

Các chuẩn mực xã hội, với những giá trị của chúng được coi là những phương tiện có tác dụng định hướng và điều tiết hành vi của cá nhân hay của nhóm xã hội trong những điều kiện nhất định. Mặt khác, chúng còn là một trong những điều kiện mà xã hội sử dụng để kiểm tra hành vi của họ và tự kiểm tra hành vi của mình.

Với những tác động trên, chuẩn mực xã hội mang các yếu tố cho phép, bắt buộc hay cấm đoán.

Hiện nay trong xã hội tồn tại nhiều hệ thống chuẩn mực: chuẩn mực pháp luật, chuẩn mực phong tục và truyền thống, chuẩn mực thẩm mỹ... Nhiều loại chuẩn mực đạo đức, pháp luật đã được lựa chọn và đưa vào giảng dạy trong nhà trường.

Vì vậy muốn cho người được giáo dục tự giác thực hiện được những chuẩn mực đã được qui định thì nhà giáo dục cần giúp cho họ có những tri thức cần thiết về các chuẩn mực này như:

- Ý nghĩa xã hội và ý nghĩa cá nhân của chuẩn mực.
- Nội dung của chuẩn mực bao gồm cả những khái niệm tương ứng.
- Cách thức thực hiện các chuẩn mực.

2. Khâu thứ hai: Tổ chức điều khiển học sinh hình thành niềm tin và tình cảm tích cực với các chuẩn mực xã hội đã qui định.

Trên cơ sở những tri thức về các chuẩn mực xã hội, học sinh dần dần hình thành niềm tin đối với các chuẩn mực này.

Niềm tin được thể hiện như sau:

- Nắm vững những tri thức về các chuẩn mực xã hội
- Tin về mặt lí luận cũng như mặt thực tiễn đối với chân lí và tính đúng đắn của các chuẩn mực xã hội.
- Mong muốn tuân theo những yêu cầu được phản ánh trong chuẩn mực xã hội.
- Có hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội
- Hải lòng về những hành vi của mình phù hợp với các chuẩn mực xã hội
- Tố thái độ không khoan nhượng đối với những hành vi mâu thuẫn với các chuẩn mực xã hội

Trong quá trình hình thành ý thức nói chung, niềm tin nói riêng, người được giáo dục chuyển hóa ý thức thành hành vi và thói quen

Nếu có ý thức về các chuẩn mực xã hội mà không có tình cảm tương ứng thì hành vi sẽ khô khan cứng nhắc. Mặt khác, nếu ý thức không được nắm một cách tự giác thì sẽ dẫn đến lời nói mâu thuẫn với việc làm. Từ đó, hình thành ở người được giáo dục bộ mặt đạo đức giả tạo.

3. Khâu thứ ba: Tổ chức điều khiển học sinh rèn luyện hành vi và thói quen phù hợp với chuẩn mực xã hội đã được qui định.

Trên cơ sở nhận thức và tình cảm tích cực về các chuẩn mực xã hội, người được giáo dục sẽ rèn luyện những hành vi và thói quen tương ứng.

Hành vi của một con người xét cho cùng, là sự thể hiện sinh động bộ mặt đạo đức thẩm mỹ... của người đo. Cho nên, một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong QTGD là phải tổ chức, điều khiển người được giáo dục tự rèn luyện nhằm hình thành những hành vi phù hợp với những chuẩn mực xã hội đã được qui định. Và hơn thế nữa họ lặp đi lặp lại nhiều lần những hành vi đã hình thành, trở thành thói quen hành vi.

Thói quen hành vi về các chuẩn mực xã hội gắn liền với nhu cầu của chủ thể hành vi – của người được giáo dục. Do đó họ sẽ thấy thoải mái, hải lòng, thấy cần thiết phải có hành vi ứng xử đúng đắn và nhất là bị ép buộc phải thực hiện những hành vi sai trái.

Những hành vi mà người được giáo dục rèn luyện cần được thỏa mãn các chỉ tiêu sau đây:

- Nội dung các chuẩn mực được thể hiện trong hành vi
- Sự thể hiện hành vi có tính phổ biến
- Sự thể hiện hành vi có tính bền vững
- Hành vi có động cơ đúng đắn

Chỉ tiêu thứ nhất nhằm kiểm tra xem hành vi có phù hợp với chuẩn mực đã được quy định không? Nếu phù hợp thì ở mức nào?

Chỉ tiêu thứ hai nhằm kiểm tra hành vi có được thực hiện ở mọi nơi mọi chỗ không, nghĩa là có được nghiêm túc thực hiện ở trường, gia đình, ở nơi công cộng....

Chỉ tiêu thứ ba nhằm kiểm tra hành vi có được duy trì bền vững không.

Chỉ tiêu thứ tư nhằm kiểm tra hành vi được thực hiện với động cơ đúng hay sai, có ý nghĩa xã hội và ý nghĩa cá nhân như thế nào?

Các chỉ tiêu này hợp thành một chỉnh thể thống nhất.

• ***Những điều kiện để hình thành hành vi và thói quen:***

Tổ chức cho học sinh tham gia mọi hình thức hoạt động với những tình huống đa dạng, ngày càng phức tạp.

Bồi dưỡng cho học sinh ý thức và năng lực tự kiểm tra, tự đánh giá thường xuyên.

Kết luận:

Các khâu trên đây có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ cho nhau, thâm nhập vào nhau. Tùy từng đối tượng, tùy tình huống mà ta có thể tác động khâu nào trước khâu nào sau.

• ***Mối quan hệ các khâu:***

- Khâu 1: Là cơ sở, tiền đề, kim chỉ nam của hành vi, là điều kiện cần nhưng chưa đủ.
- Khâu 2: Là động lực, là giai đoạn bản lề của QTGD.
- Khâu 3: Là kết quả của QTGD, là mục đích, là kết quả, là bộ mặt của QTGD.

CHƯƠNG II – NGUYÊN TẮC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục:

1. Định nghĩa:

Nguyên tắc giáo dục(NTGD)là những luận điểm gốc, những phương hướng chỉ đạo phải quán triệt sâu sắc thì mới hoàn thành được mục đích và nhiệm vụ giáo dục.

2. Cơ sở xuất phát:

- Triết học CN Mác –Lênin
- Đường lối quan điểm giáo dục của Đảng: Mục đích giáo dục Việt nam.
- Các qui luật, đặc điểm, bản chất của QTGD.
- Thực tiễn kinh nghiệm giáo dục trong và ngoài nước

II. Hệ thống các NTGD:

1. Đảm bảo tính mục đích của giáo dục

2. Đảm bảo giáo dục gắn với cuộc sống, với lao động.

3. Đảm bảo giáo dục trong tập thể.

4. Đảm bảo tôn trọng nhân cách người được giáo dục đồng thời yêu cầu hợp lý đối với họ.

5. Đảm bảo vai trò chủ đạo của nhà giáo dục với việc phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của người được giáo dục.

6. Đảm bảo giáo dục phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.

7. Đảm bảo tính hệ thống, tính kế tiếp, tính liên tục của giáo dục.

8. Đảm bảo sự thống nhất giữa giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội.

9. Đảm bảo giáo dục phù hợp đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, tính cá biệt.

1. Đảm bảo tính mục đích của giáo dục:

1.1. Cơ sở xuất phát:

- Tính giai cấp của giáo dục trong xã hội có giai cấp.
- Quan điểm giáo dục của Đảng ta: “**giáo dục là quốc sách hàng đầu**”.

1.2. Nội dung nguyên tắc:

- Bồi dưỡng cái gốc nhân cách con người mới cho học sinh.
- Đây là nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục XHCN Việt Nam, nguyên tắc đòi hỏi được quán triệt trong toàn bộ hoạt động giáo dục của nhà trường: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục; ở các đoàn thể và gia đình, đồng thời nó đòi phải chống lại những tàn dư của phong kiến và tư sản ở học sinh.

*** Tại sao đảm bảo tính mục đích trong giáo dục:**

- Xác định rõ công việc mình cần làm.
- Mục đích giáo dục là cái đích của nền giáo dục cần thực hiện.

1.3 Ý nghĩa:

Mục đích là phương hướng chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường là cơ sở thống nhất hoạt động giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội với lao động.

2. Bảo đảm gắn giáo dục với đời sống:

2.1 Cơ sở xuất phát:

- Quy luật giáo dục “những hoạt động có ích cho xã hội của học sinh càng được tổ chức hợp lý bao nhiêu thì QTGD diễn ra càng có hiệu quả bao nhiêu”.
- Chủ nghĩa Mác – Lênin đã khẳng định rằng con người khi biến đổi tự nhiên và xã hội thì đồng thời biến đổi bản chất của mình, tự biến đổi bản thân.

2.2 Nội dung nguyên tắc

- Không ngừng đổi mới nội dung và tổ chức trong công tác giáo dục đồng thời nhà trường phải chủ động kế hoạch tổ chức, tạo điều kiện cho học sinh trực tiếp tham gia các hoạt động ở địa phương. Khi tham gia các quá trình xã hội, học sinh được trực tiếp tiếp thu những kinh nghiệm xã hội quý báu.

2.3 Ý nghĩa:

- Giúp học sinh tiếp thu kinh nghiệm thông qua hoạt động cụ thể (kinh nghiệm sống).

3. Bảo đảm giáo dục trong tập thể:

3.1 Cơ sở xuất phát:

- Chủ nghĩa Mác coi tập thể là cội nguồn của năng lực sáng tạo khổng lồ cho cá nhân, là năng lực không bao giờ cạn cho sự tăng trưởng và phát triển cá nhân.
- Xuất phát từ hai quy luật giáo dục:

* Hình thành tập thể và giáo dục cá nhân là một quá trình thống nhất.

* Giáo dục trong hoạt động đồng thời là giáo dục nhân cách bằng tập thể, sự hình thành tập thể là sự tổ chức hoạt động sống của các thành viên trong tập thể.

3.2 Nội dung nguyên tắc:

- Giáo dục trong tập thể là lấy tập thể làm môi trường lôi cuốn học sinh vào phong trào hoạt động chung của tập thể, dùng tập thể tác động vào cá nhân nhằm làm cá nhân phát huy tính tích cực của mình vào tập thể.

- Nội dung nguyên tắc này được giải thích như sau:

* Tập thể có sức mạnh rất lớn nhờ đó mà mỗi con người có điều kiện phát triển toàn diện và phát triển năng khiếu của mình.

* Sự giao tiếp của con người với tập thể càng rộng rãi và phong phú thì tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, thói quen mà người ta lĩnh hội được trong quá trình hoạt động tập thể càng đầy đủ và toàn diện.

* Mỗi cá nhân học sinh không chỉ chịu một nguồn tác động từ giáo viên mà còn chịu tác động của nhiều người khác trong đó có tập thể.

3.3 Ý nghĩa:

- Khẳng định quan niệm giáo dục của Đảng: Lấy quần chúng giáo dục quần chúng đặt bên cạnh giáo dục của Đảng.

- Tạo sự giao lưu đa dạng của học sinh nhằm phát triển nhân cách trong môi trường phát triển lành mạnh.

4. Đảm bảo tôn trọng nhân cách người được giáo dục đồng thời yêu cầu hợp lý đối với con người.

4.1 Cơ sở xuất phát:

- Quan điểm giáo dục của nhà sư phạm X.V.Macarencô: *"Càng tôn trọng con người bao nhiêu, càng cần yêu cầu hợp lý đối với con người bấy nhiêu"*

- Quan điểm nhân đạo đối với con người

4.2 Nội dung nguyên tắc:

- Tôn trọng và yêu cầu là hai mặt thống nhất biện chứng với nhau.

+ *Tôn trọng con người* là không xúc phạm đến nhân phẩm con người, tôn trọng tài năng trí hướng, phẩm giá con người. Tôn trọng không có nghĩa là làm ngơ, bỏ qua những thói hư tật xấu đang làm phá huỷ nhân cách con người.

+ *Yêu cầu cao* đối với học sinh là luôn luôn đề ra những yêu cầu vừa sức hợp lý ngày càng nâng cao để các em cố gắng nỗ lực vươn lên. Không thể có giáo dục nếu như không có yêu cầu.

+ *Mối quan hệ giữa tôn trọng với yêu cầu:*

- Càng tôn trọng con người bao nhiêu, càng yêu cầu cao đối với con người bấy nhiêu.

- Tôn trọng là thể hiện tình thương đối với con người, yêu cầu cao thể hiện trách nhiệm, quan tâm đối với con người.

- Tôn trọng, yêu cầu cao đối với bản thân là tôn trọng yêu cầu cao đối với người khác.
- Tôn trọng, yêu cầu cao đối với con người là phản ánh lòng nhân đạo XHCN và lòng tin mãnh liệt vào giáo dục.

4.3 Ý nghĩa:

- Tạo kích thích đặc biệt cho học sinh.
- Tránh thái độ xuê xoa, thiếu nghiêm túc với những thiếu sót của học sinh.

5. Vai trò chủ đạo nhà giáo dục với phát huy tính chủ động, độc lập, sáng tạo của người được giáo dục.

5.1 Cơ sở xuất phát:

- Bản chất của QTGD là sự tương tác hai chủ thể: G –H.

5.2 Nội dung nguyên tắc:

- Nhà giáo dục là người lãnh đạo, quản lý, tổ chức, điều khiển QTGD:

Người chủ động xây dựng kế hoạch, nội dung, phương pháp...

Là người lựa chọn, tổ chức đa dạng các hoạt động xã hội, giao lưu để qua đó giúp các em tích lũy kinh nghiệm sống.

Là người phối hợp các lực lượng giáo dục tham gia vào QTGD.

- Đối tượng giáo dục tiếp nhận những tác động xã hội (khách thể giáo dục) đồng thời tiếp nhận tích cực, độc lập, có chọn lọc cho phù hợp với quan điểm, nhu cầu, hứng thú, tình cảm, niềm tin cá nhân (chủ thể giáo dục).

5.3 Ý nghĩa:

Quán triệt nguyên tắc này giúp nhà giáo dục chủ động có ý thức trong việc giải quyết mâu thuẫn thường xảy ra trong QTGD là mâu thuẫn giữa tính tích cực chủ đạo của thầy với tích cực chủ động của trò.

6. Đảm bảo phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm:

6.1 Cơ sở xuất phát:

- Tính nhân đạo đối với con người.
- Mục đích giáo dục.

6.2 Nội dung nguyên tắc:

Nhà giáo dục khi ” **thiết kế** ” nhân cách học sinh, cần đối xử với học sinh bằng giả thiết lạc quan, tin vào những điều tốt đẹp của các em có và còn có thể phát triển được, dù chỉ là mầm mống, dù cái tốt chưa bộc lộ.

Đây là 2 mặt trong một con người.

6.3 Ý nghĩa:

Giáo dục lấy cái tốt của con người làm phương tiện để khắc phục nhược điểm, loại trừ cái xấu, giúp con người tin vào bản thân.

7. Đảm bảo tính hệ thống, tính kế tiếp, tính liên tục của giáo dục:

7.1 Cơ sở xuất phát:

- Đặc điểm QTGD là lâu dài, phức tạp, biện chứng.

Phải có sự thống nhất giữa các tác động giáo dục và các lực lượng giáo dục để tạo sự thống nhất trong hành vi tính cách trẻ. Do đó phải có sự phối hợp nhịp nhàng các lực lượng giáo dục nếu không những tác động giáo dục sẽ ảnh hưởng xấu cho nhau.

7.2 Nội dung nguyên tắc:

- Hệ thống là thể hiện tính toàn vẹn trong nhân cách.
- Kế tiếp(tính kế thừa) là giai đoạn trước làm tiền đề, là cơ sở cho giai đoạn sau.
- Liên tục: phản ánh tính thường xuyên, không gián đoạn...vì QTGD diễn ra mọi lúc mọi nơi, giáo dục suốt đời.

7.3 Ý nghĩa:

Đảm bảo sự phát triển nhân cách một cách hoàn thiện.

8. Đảm bảo sự thống nhất giữa giáo dục gia đình-nhà trường-xã hội:

8.1 Cơ sở xuất phát:

Giáo dục là sự nghiệp quần chúng

Tạo sự tác động giáo dục thống nhất.

8.2 Nội dung nguyên tắc

Ở đây cần nhấn mạnh đến vai trò chủ đạo của giáo dục nhà trường, vai trò quan trọng đặc biệt của giáo dục gia đình và vai trò quan trọng của giáo dục xã hội.

- Vai trò chủ đạo của giáo dục nhà trường, được thể hiện ở chỗ định hướng cho toàn bộ quá trình hình thành nhân cách của thế hệ trẻ và gia đình và xã hội cùng thực hiện, khai thác có chọn lọc những tác động tích cực đồng thời góp phần điều chỉnh, thậm chí ngăn chặn những tác động tiêu cực của giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

- Vai trò đặc biệt quan trọng của giáo dục gia đình được thể hiện ở chỗ nó mở đầu và xây dựng những nền tảng đầu tiên, giản đơn nhưng quan trọng cho quá trình hình thành nhân cách của thế hệ trẻ, tiếp tục phát huy tác dụng đối với thế hệ trẻ trong quan hệ huyết thống, gần gũi, thân thương nhằm hỗ trợ đặc biệt cho giáo dục nhà trường.

-Vai trò quan trọng của giáo dục xã hội ở chỗ nó hỗ trợ cho giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình.

Lưu ý:

- Nhà trường phải luôn thấy vai trò chủ đạo của mình, chủ động kết hợp với gia đình và xã hội trong công tác giáo dục thế hệ trẻ.

- Gia đình và xã hội cần chủ động kết hợp với nhà trường theo định hướng giáo dục chung và tạo điều kiện thuận lợi, hạn chế đến mức tối đa những ảnh hưởng tiêu cực cho giáo dục nhà trường.

8.3 Ý nghĩa:

Tạo sự thống nhất ba lực lượng giáo dục trong QTGD

Tạo ra môi trường giáo dục hoàn chỉnh.

9. Đảm bảo giáo dục phù hợp đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và tính cá biệt trong QTGD.

9.1 Cơ sở xuất phát:

Qui luật giáo dục: Giáo dục phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.

Giáo dục không rập khuôn máy móc, phương pháp giáo dục phải linh hoạt mềm dẻo, sáng tạo phù hợp với tình huống, với đối tượng giáo dục.

9.2 Nội dung nguyên tắc

Trong QTGD, diễn ra sự phân hóa trình độ phát triển nhân cách ở các đối tượng giáo dục theo các lứa tuổi khác nhau, thậm chí ngay trong cùng lứa tuổi. Do đó, cần tác động như thế nào cho vừa sức với họ

Mỗi cá nhân có trình độ phát triển nhân cách riêng: Khác nhau đặc điểm sinh lý, về hoàn cảnh sống gia đình, mối quan hệ xã hội, nhu cầu hứng thú, sở trường... Do đó QTGD phải coi trọng tính cá biệt để có thể tìm ra và áp dụng phương pháp giáo dục phù hợp cho từng đối tượng.

9.3 Ý nghĩa:

Chú ý đến từng cá nhân trong QTGD là phát huy được những mặt mạnh, khắc phục được những mặt yếu.

NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Thế giới quan khoa học.

2. Đường lối chính sách của đảng và nhà nước.

3. Lòng yêu nước yêu CNXH.

4. Lòng nhân ái.

5. Tinh thần học tập, lao động sáng tạo và năng động.

6. Tính kỉ luật và ý thức pháp luật.

Nội dung cụ thể:

I. Thế giới quan khoa học:

1. Khái niệm:

Thế giới quan khoa học là hệ thống quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, tư duy.

Nhờ hệ thống quan điểm này, con người sẽ nhận thức đúng, suy nghĩ đúng, hành động đúng, nhằm cải tạo thế giới, phục vụ cho lợi ích con người đồng thời cải tạo cả bản thân mình.

2. Các loại thế giới quan:

a. Căn cứ cách xem xét và giải quyết những vấn đề cơ bản của triết học: Vật chất và ý thức cái nào có trước, người ta chia làm hai loại thế giới quan: thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm.

-**Thế giới quan duy tâm**: trong đó họ xác định vai trò của lực lượng phi vật chất và giải thích thế giới theo hướng: mỗi vật đều do đấng thần linh qui định. Hệ quả cuối cùng của thế giới quan này là thủ tiêu đấu tranh giai cấp, đấu tranh chống tự nhiên, ca ngợi sự tồn tại vĩnh cửu của chế độ áp bức bóc lột. Vì vậy thế giới quan duy tâm được các nhà vô sản gọi là thế giới quan phản động.

-**Thế giới quan duy vật** giải thích thế giới có nguồn gốc từ vật chất khẳng định vai trò lớn lao của con người trong việc cải tạo tự nhiên, phát triển lịch sử và cải tạo bản thân.

b. Căn cứ từ việc nghiên cứu và xác định thái độ đối với tôn giáo người ta chia làm hai loại thế giới quan: thế giới quan hữu thần và thế giới quan vô thần.

-**Thế giới quan hữu thần** là thế giới quan của những người theo tôn giáo mà giai cấp bóc lột lợi dụng thần quyền để ru ngủ quần chúng làm cho họ rời bỏ đấu tranh.

-**Thế giới quan vô thần** là thế giới quan của những người vô sản và nhân dân lao động. Họ không công nhận sự tồn tại của thần linh và họ khẳng định con người có vai trò lớn lao trong việc cải tạo thế giới.

c. Căn cứ từ thái độ đối với khoa học người ta chia làm hai loại thế giới quan đó là thế giới quan khoa học và thế giới quan phản khoa học.

-**Thế giới quan khoa học** là thế giới quan của những người giải thích thế giới theo qui luật vật chất.

-**Thế giới quan phản khoa học**: không giải thích thế giới dựa trên thành tựu khoa học.

d. Căn cứ từ góc độ cá nhân hay góc độ giai cấp người ta chia làm hai loại thế giới quan cá nhân và thế giới quan giai cấp:

-**Thế giới quan cá nhân** là hệ thống các quan điểm về tự nhiên về xã hội và bản thân được hình thành ở mỗi cá nhân, nó xác định phương hướng hoạt động cho mỗi cá nhân. Thế giới quan cá nhân là đặc điểm tâm lý xã hội, là động cơ cá nhân, là toàn bộ mặt tinh thần của cá nhân đó.

-**Thế giới quan giai cấp**: là hệ thống tư tưởng xã hội, là ý thức xã hội của một giai cấp.

e. Thế giới quan cộng sản:

Thế giới quan cộng sản là thế giới quan duy nhất của giai cấp vô sản được thiết lập trên ba bộ phận:

- Kinh tế chính trị.
- Triết học.
- Chủ nghĩa cộng sản khoa học

Thế giới quan cộng sản là thế giới quan khoa học vì nó dựa trên những thành tựu khoa học trong quá trình đấu tranh cách mạng, nó không ngừng sáng chế ra những qui luật tự nhiên, xã hội và tư duy.

II. Đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước:

Với tư cách là một công dân, là người lao động tương lai, những người được giáo dục phải nắm được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Qua đó, có những hiểu biết cần thiết về sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng XHCN, về công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc hiện nay của nước ta, từ một nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, từ chính sách đóng cửa chuyển sang cơ chế mở cửa, muốn làm bạn với mọi dân tộc, mọi quốc gia.

Từ đó, họ có ý thức được vị thế xã hội hiện nay và trong tương lai của bản thân, ý thức được nhiệm vụ để góp phần xây dựng đất nước, củng cố được niềm tin vào tương lai tươi sáng của đất nước, của gia đình, của bản thân.

III. Lòng yêu nước, yêu CNXH:

1. Khái niệm:

Tình thương yêu người thân, tinh thần tập thể và tinh thần đoàn kết chuyển biến thành tình cảm yêu nước, chủ nghĩa ái quốc kết hợp với tinh thần tự hào dân tộc.

2. Biểu hiện:

Người được giáo dục với tư cách là người công dân, phải có lòng yêu nước nồng nàn - một tình cảm thiêng liêng vô cùng cao quý. Trong thời đại ngày nay lòng yêu nước gắn liền và thống nhất với lòng yêu nước XHCN. Người được giáo dục với tình cảm thiêng liêng cao quý này sẽ có niềm tin vào tương lai tươi sáng của Tổ quốc ta, sẽ tự giác góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng XHCN.

Người yêu nước là người tận tâm làm tròn nghĩa vụ của mình, hành động theo lợi ích của xã hội và có tấm lòng biết lo lắng xót xa cho xã hội tức là biết lao động và đấu tranh.

Cụ thể:

- Trong chiến tranh nghĩa vụ hàng đầu là đấu tranh hy sinh vì độc lập dân tộc.
- Trong hoà bình nghĩa vụ con người là lao động tốt, sáng tạo ra nhiều của cải cho xã hội, nâng cao đời sống vật chất văn hoá cho người công dân.
- Tình yêu văn hoá dân tộc, yêu truyền thống dân tộc đóng góp thêm vào nền văn hoá dân tộc, phát triển và củng cố những truyền thống hợp lý, lành mạnh. Do đó, người được giáo dục phải yêu tiếng mẹ đẻ, yêu văn hoá dân tộc, yêu truyền thống, yêu thiên nhiên, yêu lịch sử văn hoá dân tộc, sẵn sàng bảo vệ tổ quốc, thiết tha cống

hiển sức lực và tài năng của mình cho Tổ quốc ngày thêm giàu đẹp và hùng cường, làm tốt nghĩa vụ của người công dân với Tổ quốc, chống lại tâm lý tự ti dân tộc, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa Sôvanh nước lớn.

IV. Lòng nhân ái

1. Khái niệm:

Lòng nhân ái là một trong những giá trị cao quý của dân tộc. Nó giúp cho người được giáo dục biết quan tâm, biết giúp đỡ, biết học hỏi người khác trong gia đình, trong cộng đồng quốc gia, quốc tế, biết xa lánh tính vị kỷ, hẹp hòi, lòng thương hại, sự bố thí... biết thống nhất giữa lòng nhân ái và lòng tự trọng.

2. Biểu hiện:

* Lòng yêu quý và kính trọng ông bà, cha mẹ, anh chị em, những người thân thiết gần gũi trong gia đình, họ hàng, bạn bè, thái độ quan tâm và thông cảm với những người xung quanh về những vui buồn, hạnh phúc hay bất hạnh của họ.

* Thừa nhận và tôn trọng con người như là một giá trị cao nhất của CNXH- tích cực đấu tranh bảo vệ những quyền lợi của con người tự do và phẩm giá của con người.

* Sẵn sàng giúp đỡ người khác(đặc biệt khi gặp tai nạn)hướng ý nghĩ, hành động của mình nhằm đem lại niềm vui hạnh phúc.

V. Tinh thần học tập, lao động sáng tạo và năng động.

Để góp phần xây dựng đất phồn vinh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời làm cho cuộc sống của bản thân, cuộc sống gia đình ngày càng hạnh phúc, những người được giáo dục phải biết học tập, lao động sáng tạo, đạt hiệu quả ngày càng cao trên cơ sở biết vận dụng những thành tựu khoa học-công nghệ về phương pháp tự học. Đặc biệt họ phải tự bồi dưỡng tiềm năng vươn lên, phải có tính năng động, thích nghi nhanh chóng và có hiệu quả với cuộc sống đang đổi mới toàn diện, sâu sắc.

Tránh tình trạng ỷ lại vào người khác, vào xã hội, học và làm máy móc, hình thức.

VI. Tính kỷ luật và ý thức pháp luật:

Kỷ luật và pháp luật là phương tiện quan trọng để tạo ra cuộc sống có kỷ cương, có nề nếp. Người được giáo dục, với tư cách là công dân, người lao động tương lai, cần được giáo dục để trở thành người biết sống và làm việc có kỷ luật,

sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

VII. Ngoài nội dung giáo dục trên, người được giáo dục nhiều chuẩn mực xã hội khác, đảm bảo rèn luyện được những hành vi, thói quen ứng xử trong các mối quan hệ đa dạng, quan hệ với bản thân, quan hệ với gia đình, quan hệ với cộng đồng xã hội, quan hệ với quốc tế.

Trên cơ sở nội dung giáo dục chung, chúng ta cần xây dựng nội dung giáo dục cụ thể cho từng ngành học, cấp học, bậc học.

Cần dựa vào những căn cứ sau này:

- Mục tiêu giáo dục-đào tạo của ngành học, bậc học.
- Đặc điểm tâm sinh lý của người được giáo dục.
- Sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước qua các giai đoạn.

Sự kế thừa có phê phán những kinh nghiệm đã thực hiện được, đồng thời học tập có chọn lọc và sáng tạo những kinh nghiệm của các nước khác.

CHƯƠNG III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Có mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục nhưng còn cần phải có con đường, cách thức để chuyển tải nội dung giáo dục nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đặt ra. Những cách thức, những con đường đó là phương pháp giáo dục

I. Khái niệm phương pháp giáo dục (PPGD)

1. Phương pháp giáo dục là gì?

PPGD là cách thức hoạt động của nhà giáo dục và của người được giáo dục được thực hiện thống nhất với nhau nhằm hoàn thành những nhiệm vụ giáo dục phù hợp với mục đích giáo dục đề ra.

PPGD có mối quan hệ biện chứng với các nhân tố khác của QTGD như: mục đích giáo dục, nội dung giáo dục, kết quả giáo dục.

PPGD tạo ra sự tác động qua lại tích cực giữa nhà giáo dục và người được giáo dục. Trong đó, tác động của nhà giáo dục là chủ đạo, tác động của người được giáo dục được thực hiện một cách chủ động, tích cực.

PPGD bao gồm các biện pháp giáo dục. Biện pháp giáo dục là yếu tố hợp thành PPGD. PPGD và biện pháp giáo dục có thể chuyển chức năng cho nhau trong những tình huống sự phạm cụ thể.

2. Cách phân loại các PPGD:

- Theo con đường giáo dục.
- Theo kết quả của quá trình giáo dục.
- Theo quan điểm toàn vẹn.

II. Hệ thống các PPGD:

Hiện nay người ta xếp thành 3 nhóm PPGD như sau:

- Nhóm các phương pháp hình thành ý thức cá nhân.
- Nhóm các phương pháp hình thành kinh nghiệm ứng xử xã hội.
- Nhóm các phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử xã hội.

1. Nhóm các phương pháp hình thành ý thức cá nhân.

Nhóm phương pháp này bao gồm các phương pháp tác động nhiều mặt vào ý chí của học sinh để hình thành cho các em ý thức cá nhân (khái niệm phán đoán niềm tin). Sự can thiệp của các phương pháp trong nhóm này xuất phát từ phương pháp thống nhất giữa ý thức và hoạt động.

Những kinh nghiệm trẻ thu lượm được có ý nghĩa hết sức to lớn trong sự hình thành nhân cách của trẻ, song như thế chưa đủ vì những kinh nghiệm đó của cá thể còn mang tính cảm tính. Nó không phản ánh sự phong phú của các quan hệ xã hội và các giá trị tinh thần đã được tích lũy bao thế hệ trước. Chính vì vậy người ta cho rằng giáo dục là sự tái tạo kinh nghiệm xã hội trong một cá thể. Sự chuyển văn hoá loài người sang hình thức tồn tại cá nhân đòi hỏi phải có sự hoạt động của ý thức. Trong đó bao gồm các tri thức khái quát và hệ thống về qui luật, các nguyên tắc và các chuẩn mực xã hội, của lao động, khoa học...

Học sinh sẽ hình thành cho mình những khái niệm, những phán đoán, những đánh giá làm cơ sở cho những quan điểm và niềm tin của nhân cách qua việc tiếp thu các giá trị xã hội.

Nhóm phương pháp này bao gồm:

- Đàm thoại
- Kể chuyện
- Giảng giải
- nêu gương

1.1 Đàm thoại:

Đây là phương pháp trò chuyện giữa nhà giáo dục và người được giáo dục về những chủ đề có liên quan đến những chuẩn mực xã hội nói chung, các chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ, pháp luật nói riêng bằng hệ thống câu hỏi do nhà giáo dục chuẩn bị trước.

Nhiệm vụ cơ bản của đàm thoại là lôi cuốn các em vào việc giải thích đánh giá những sự kiện, những hiện tượng trong đời sống xã hội, những hiện tượng có liên quan đến các hành vi tích cực hay tiêu cực, những tình huống đạo đức, pháp luật... Từ đó rút ra những kết luận bổ ích. Đồng thời khắc sâu, phát triển hệ thống hoá những vấn đề có liên quan đến các chuẩn mực xã hội đã được giáo dục để củng cố ý thức cá nhân.

Đàm thoại còn giúp đỡ học sinh hình thành và phát triển được niềm tin đối với các chuẩn mực xã hội.

Trong thực tiễn giáo dục chúng ta có những phương pháp đàm thoại sau đây:

- Đàm thoại thảo luận: Theo chủ đề (được đối tượng quan tâm, hứng thú, phù hợp lứa tuổi...)
- Đàm thoại riêng: Khi đối tượng có vấn đề tâm lý, về đạo đức hoặc vi phạm hành vi về chuẩn mực xã hội...

*** Chuẩn bị đàm thoại:**

- Xác định chủ đề, mục tiêu, nội dung đàm thoại.
- Xây dựng hệ thống câu hỏi phù hợp với chủ đề, mục tiêu nội dung đàm thoại làm sao để kích thích tính tích cực tư duy của người được giáo dục.
- Thông báo cho người được giáo dục chuẩn bị.

Việc chuẩn bị đó cần chu đáo, đặc biệt là những chủ đề thật sâu sắc, sinh động.

*** Tổ chức đàm thoại:**

Đầu tiên nêu lại chủ đề, mục tiêu, nội dung và câu hỏi đàm thoại. Sau đó tổ chức trò chuyện với người được giáo dục. Người được giáo dục sẽ phát biểu ý kiến với nhau và với nhà giáo dục. Người giáo dục cần lắng nghe, chia sẻ những băn khoăn, kinh ngạc, vui mừng, tức giận với người được giáo dục khi họ phát biểu. Người giáo dục chỉ nên khéo léo gợi ý định hướng và bổ sung khi cần thiết.

*** Kết thúc đàm thoại:**

Kích thích động viên những người được giáo dục rút ra những kết luận cần thiết.

Sau đó tổng kết đánh giá chung.

Trong đàm thoại cần lưu ý việc đàm thoại với một hoặc vài học sinh. Những buổi đàm thoại riêng đó cần được chuẩn bị chu đáo trên cơ sở nắm vững sự việc và hiểu rõ học sinh.

Khi đàm thoại cần lưu ý đến đặc điểm học lứa tuổi. Cố gắng tạo điều kiện cho học sinh tranh luận về những vấn đề đung đến niềm tin.

1.2 Phương pháp kể chuyện:

Đây là phương pháp giáo viên dùng lời, dùng điệu bộ nét mặt để thuật lại một cách sinh động một câu chuyện có ý nghĩa giáo dục

Phương pháp kể chuyện thường được sử dụng trong QTGD với đối tượng giáo dục sẽ học tập được gương tốt, tránh những gương xấu trong câu chuyện với sự phê phán đánh giá. Qua đó sẽ hình thành và phát triển được những xúc cảm tích cực và niềm tin đúng đắn.

Cần chú ý mấy vấn đề sau để truyện kể đạt kết quả giáo dục cao.

*** Lựa chọn truyện kể:**

Truyện kể phải có mục tiêu giáo dục cụ thể, nội dung truyện kể phải phong phú, hấp dẫn, có những tình huống giáo dục cần thiết. Truyện kể phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và trình độ nhận thức của người nghe. Đồng thời nội dung truyện kể cũng phải tính đến thời gian cho phép.

*** Bước vào kể chuyện:**

Lời kể phải sinh động, giàu hình tượng xúc cảm. Giọng nói điệu bộ nét mặt luôn thay đổi cho phù hợp với diễn biến câu chuyện nhằm tạo sự chú ý và nhất là gây được những cảm xúc mạnh mẽ sâu sắc ở người được giáo dục.

Không quên sử dụng những tranh ảnh minh họa. Để hấp dẫn gây ấn tượng ở người nghe. Trong quá trình kể chuyện luôn theo dõi người nghe để kịp thời điều chỉnh cách kể chuyện. Cố gắng tránh cho người nghe không bị sa vào những tình tiết vụn vặt của chuyện mà tập trung vào những tình huống cơ bản của chuyện.

* Sau khi kể chuyện:

Với đối tượng nghe ở lứa tuổi nhỏ nên cho tập kể lại chuyện, hoặc đóng những vai trong chuyện kể hoặc trả lời một số câu hỏi và rút ra những kết luận bổ ích.

Một số điều kiện kể chuyện có hiệu quả:

- Luôn rèn luyện cách kể chuyện, biết cách chọn chủ đề và mục tiêu giáo dục vào vai của những nhân vật trong chuyện một cách tự nhiên.
- Các phương tiện trực quan trong truyện kể vừa đạt yêu cầu thẩm mỹ, vừa phản ánh được những tình huống của truyện.

1.3 Phương pháp giảng giải:

Đây là phương pháp trong đó nhà giáo dục dùng lời nói để giải thích, chứng minh các chuẩn mực xã hội đã được qui định nhằm giúp cho người được giáo dục hiểu và nắm được ý nghĩa, nội dung và qui tắc thực hiện các chuẩn mực đó.

Chính nhờ sự giải thích chứng minh đó mà người được giáo dục nắm được những chuẩn mực xã hội và hình thành niềm tin với chúng một cách tự giác, vì vậy sẽ tránh được những hành vi không tự giác do không nắm được những chuẩn mực xã hội hoặc nắm một cách máy móc mù quáng.

Muốn giảng giải tốt nhà giáo dục cần lưu ý:

- Nội dung giảng giải về chuẩn mực phải được chuẩn bị một cách đầy đủ chính xác. Tại sao phải giảng giải những chuẩn mực đó nội dung những chuẩn mực gồm những vấn đề gì và thực hiện chuẩn mực bằng cách nào.

- Trong quá trình giảng giải :

Lời nói cần rõ ràng khúc chiết. Lập luận chính xác dễ hiểu, lôgic.

Những ví dụ bằng tranh ảnh hoặc bằng thực tế phải gắn với cuộc sống và gần gũi với người được giáo dục.

Cố gắng thu hút người được giáo dục tham gia vào giải thích chứng minh các chuẩn mực xã hội hoặc các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện các chuẩn mực và rút ra kết luận.

Có thể người được giáo dục liên hệ với bản thân vào thực tế.

1.4 Phương pháp nêu gương:

Là phương pháp dùng những tấm gương sáng của cá nhân hoặc của tập thể để kích thích người được giáo dục học tập và làm theo.

Trong phương pháp nêu gương chủ yếu là dùng những gương tốt- gương chính diện-để giáo dục, để học tập. Tuy vậy người ta còn hiểu nêu gương có thể dùng những gương xấu- gương phản diện-để phân tích đánh giá cho người giáo dục tránh được những hành vi tương tự.

Cơ sở tâm lý của nêu gương là hiện tượng bắt chước. Tính chất của hoạt động bắt chước dễ thay đổi theo lứa tuổi và liên quan tới việc mở rộng vốn kinh nghiệm xã hội của học sinh. Nó còn tùy thuộc vào sự phát triển trí tuệ và đạo đức của các em.

Thực hiện phương pháp nêu gương sẽ giúp người được giáo dục:

- Phát triển được năng lực phê phán, đánh giá hành vi của người khác. Học được những gương tốt, biết tránh những gương xấu. Từ đó hình thành được niềm tin về những chuẩn mực xã hội và mong muốn có những hành vi tốt.

Để phương pháp nêu gương phát huy tác dụng tốt nhà giáo dục cần lưu ý:

Dựa vào mục tiêu, nội dung giáo dục cụ thể, vào đặc điểm tâm sinh lý của người được giáo dục mà nhà giáo dục lựa chọn những tấm gương (chính diện hoặc phản diện). Tuy vậy gương sáng vẫn là chủ yếu, không được lựa chọn những gương phản diện nhiều vì dễ gây phản tác dụng giáo dục. Những tấm gương phải gần gũi với cuộc sống và người được giáo dục. Gương nêu ra phải điển hình phong phú, cụ thể có khả năng thực hiện ở người được giáo dục. Nếu những tấm gương đó quá lý tưởng thì người được giáo dục chỉ ngưỡng mộ, khâm phục mà không bắt chước làm theo được.

Điều không thể quên được là bản thân nhà giáo dục là tấm gương sáng của người được giáo dục. Trong phương pháp nêu gương, người được giáo dục nên liên hệ với thực tế, nếu là tấm gương tốt cố gắng noi theo. Nếu là gương xấu cần phải phê phán. Thông qua việc phân tích đánh giá những tấm gương mà rút ra những kết luận bổ ích.

Tóm lại:

Với tất cả những phương pháp trên sẽ giúp cho người được giáo dục và nắm được những tri thức cần thiết về các giá trị xã hội. Từ những tri thức đó người được giáo dục sẽ hình thành niềm tin với các chuẩn mực và các giá trị xã hội. Chính tri thức và niềm tin về các chuẩn mực xã hội và các giá trị xã hội sẽ là nền tảng cho sự định hướng rèn luyện hành vi và thói quen tương ứng.

2. Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kinh nghiệm hành

vi ứng xử xã hội.

Bao gồm:

- Phương pháp giao việc.
- Phương pháp luyện tập.
- Phương pháp rèn luyện.

2.1 Phương pháp giao việc:

Là cách thức lôi cuốn học sinh vào hoạt động đa dạng của tập thể với những công việc và nghĩa vụ xã hội nhất định. Chính trong những hoạt động đa dạng đó sẽ thu lượm được những kinh nghiệm trong quan hệ đối xử giữa người với người. Hình thành được hành vi ứng xử phù hợp với yêu cầu và công việc được giao. Khi giao việc cho người được giáo dục cũng như khi thực hiện công việc được giao cần lưu ý:

- Làm cho người được giáo dục ý thức đầy đủ ý nghĩa xã hội của công việc được giao để có thái độ tích cực với công việc đó.
- Đưa ra những yêu cầu cụ thể người được giáo dục phải hoàn thành, nên giao công việc phù với hứng thú và năng khiếu của người được giáo dục.
- Trong quá trình giao việc phải theo dõi giúp đỡ nếu cần để hoàn thành mọi công việc.
- Phải kiểm tra đánh giá công khai kết quả đã hoàn thành của người được giáo dục.

2.2 Phương pháp tập luyện:

Là phương pháp tổ chức cho người được giáo dục thực hiện một cách đều đặn có kế hoạch các hoạt động nhất định nhằm biến các hoạt động đó thành những thói quen ứng xử. Thói quen ứng xử trong những điều kiện nhất định có thể và cần trở thành thuộc tính bền vững của nhân cách. Chính nhờ thói quen mà ý nghĩ có thể chuyển thành việc làm, niềm tin chuyển thành hành động. Thói quen sẽ thành nền tảng cho “lâu đài” giáo dục. Thói quen có thể được xem là bản chất thứ hai của con người mà nghệ thuật giáo dục có thể hình thành và biến đổi được. Phương pháp tập luyện đặc biệt có hiệu quả trong thời kỳ đầu của QTGD và phát triển trẻ. Dạy trẻ có được những thói quen hành vi đúng đắn phải được chú ý nhiều hơn việc dạy trẻ hiểu tại sao phải cư xử như vậy (làm trước, hiểu sau).

Vận dụng phương pháp tập luyện cần phải lưu ý:

- Phải giúp người được giáo dục nắm được qui tắc của hành vi, hình dung rõ những hành vi đó dưới dạng những qui tắc rõ ràng, ngắn gọn để họ có thể định hướng cho việc thực hiện hành vi qua tập luyện. Các hình thái tập luyện cần mềm dẻo mang tính khái quát nhất định để có thể giữ vững khi hoàn cảnh thay đổi. Với những trường hợp cần thiết có thể làm mẫu cho người được giáo dục về những hành vi cần tập luyện, đồng thời phải hình thành ở người được giáo dục lòng ham muốn ham thích tập luyện các hành vi đó.

Cần tạo cơ hội cho người được giáo dục tập luyện theo qui tắc hành vi. Khuyến khích họ tập luyện thường xuyên, lặp đi lặp lại những hành vi đã được tập luyện với thái độ thiện ý, thông cảm với những khó khăn mà người được giáo dục gặp phải nhất là lúc đầu qua quá trình thực hiện chế độ sinh hoạt và các hoạt động.

Nếu thiếu một chế độ sinh hoạt và hoạt động được qui định một cách hợp lý, nhất quán, chặt chẽ và giới hạn được phép của hành vi thì lời nói dù có sáng suốt hay đẹp đến đâu cũng không bù đắp được. Chế độ được qui định rõ ràng và chặt chẽ thì hành động làm cơ sở cho việc xây dựng thói quen càng được hình thành nhanh chóng và vững chắc. Trong khi tiến hành phương pháp tập luyện cần tiến hành kiểm tra uốn nắn hành vi của mình.

2.3 Phương pháp rèn luyện:

Là phương pháp tổ chức cho người được giáo dục được thể nghiệm ý thức tình cảm về các chuẩn mực xã hội trong các tình huống đa dạng của cuộc sống. Qua đó hình thành và củng cố được những hành vi phù hợp với các chuẩn mực xã hội đã được qui định.

Phương pháp rèn luyện phải dựa vào phương pháp tập luyện có nghĩa phải làm đi làm lại nhiều lần, phải củng cố và hoàn thiện nhiều phương thức hành động làm cơ sở vững chắc cho ứng xử. Điều chủ yếu trong rèn luyện là rèn luyện động cơ, ý chí để thống nhất cái cần làm và cái muốn làm.

Trong việc rèn luyện cần tạo điều kiện cho người được giáo dục hòa mình vào những tình huống từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp của cuộc sống thực. Trong những tình huống đó người được giáo dục phải xác định động cơ đúng đắn để định hướng cho hoạt động nhằm giải quyết đúng đắn những tình huống khác nhau.

Muốn rèn luyện tính dũng cảm phải đặt người được giáo dục trong những hoàn cảnh sống và hoạt động có cần phải thể hiện liên tục dũng cảm. Người được giáo dục “thâm nhập hòa mình” vào các tình huống chưa đủ mà còn phải được tạo điều kiện dựa vào kết quả của tập luyện để lặp lại những hành vi đã được hình thành trong các tình huống khác nhau của cuộc sống để hành vi thành thói quen bền vững.

Trong QTGD có thể tạo điều kiện cho người được giáo dục được rèn luyện trong các tình huống thực: đó là những sinh hoạt hằng ngày ở gia đình, nhà trường, ngoài xã hội; đó là hoạt động học tập, lao động giữa đời sống tập thể.

Qua kinh nghiệm thực tiễn ta thấy rằng để người được giáo dục rèn luyện tốt: tổ chức rèn luyện liên tục có hệ thống, kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra và tự kiểm tra. Nhà giáo còn biết tạo ra tình huống thích hợp mà không bỏ qua việc tận dụng những tình huống tự nhiên. Điều sau cùng là biết kết hợp giữa việc tổ chức rèn luyện của nhà giáo dục với tự tổ chức rèn luyện của tập thể người được giáo dục và sự tự rèn luyện của bản thân họ.

3. Nhóm phương pháp kích thích hoạt động và điều khiển hành vi ứng xử của người được giáo dục:

Trong QTGD sẽ xảy ra những trường hợp:

Người được giáo dục tự giác tham gia các hoạt động, có những hành vi ứng xử phù hợp chuẩn mực xã hội. Hành vi này cần được kích thích. Ngược lại có trường hợp người được giáo dục thiếu hoặc không tự giác tham gia các hoạt động, có những hành vi ứng xử không phù hợp hoặc chệch khỏi những chuẩn mực xã hội. Hành vi lệch lạc này cần được uốn nắn. Vì thế, trong QTGD việc vận dụng nhóm phương pháp này là cần thiết.

3.1 Phương pháp Khen-Thưởng

Là phương pháp rất quan trọng trong QTGD nhằm biểu thị sự đánh giá tích cực đối với hành vi ứng xử của người được giáo dục.

- Khen thưởng mang lại sức mạnh và niềm tin cho người được giáo dục.
- Khẳng định hành vi đúng, phù hợp chuẩn mực xã hội qui định.
- Kích thích người được giáo dục tiếp tục duy trì, phát triển những hành vi tích cực.
- Khen thưởng là để kích lệ những người xung quanh thực hiện những hành vi tích cực.

Trong thực tiễn tùy theo tính chất và mức độ, phạm vi ảnh hưởng của những hành vi tích cực và nỗ lực của người được giáo dục mà việc khen thưởng được thực hiện dưới những hình thức khác nhau.

Các hình thức đó là:

- Thái độ đồng tình, ủng hộ những hành vi tốt một cách trực tiếp hay gián tiếp.
- Tỏ lời khen ngợi và biểu dương những hành vi tốt.
- Khen và thưởng những hành vi tốt.

Cần lưu ý:

Đối tượng khen thưởng là cá nhân hoặc tập thể, phạm vi thông báo hình thức khen thưởng đều tùy theo từng trường hợp và điều kiện cụ thể. Việc khen thưởng phải mang tính giáo dục cao. Vì thế để khen thưởng phát huy tác dụng nhà giáo dục cần quan tâm đến những yêu cầu sau:

- Khen thưởng đúng với hành vi thực tế của người được giáo dục.
- Khen thưởng phải chú ý hành vi phải có động cơ đúng đắn, trong sáng, tính phổ biến, tính thường xuyên. Đặc biệt hành vi ứng xử phải luôn phù hợp với nội dung chuẩn mực xã hội.
- Khen thưởng đúng lúc đúng chỗ, kịp thời, công bằng, khách quan.
- Chú ý đến những học sinh có tính nhút nhát, thiếu tự tin.

Tóm lại:

Khen thưởng là đòi hỏi người được khen cố gắng hơn nữa trong việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức. Tập cho các em quý trọng bản thân sự việc được khen chứ không phải coi trọng giá trị của lời khen và vật thưởng.

Đảm bảo khen thưởng thường xuyên với khen thưởng quá trình. Điều đó đòi hỏi vừa phải xem xét đánh giá khen thưởng hàng ngày, hàng tuần nhằm kích thích kịp thời những người có hành vi tốt, mặt khác cũng phải xem xét khen thưởng cả vào thời điểm cuối tháng, cuối học kỳ, cuối năm. Để cho người được giáo dục tự giác thực hiện các chuẩn mực xã hội một cách thường xuyên liên tục.

Khen thưởng phải tạo được dư luận đồng tình, ủng hộ thì mới phát huy tác dụng tốt rộng rãi. Vì chính dư luận lành mạnh này sẽ khẳng định giá trị và ý nghĩa của hành vi tốt, kích thích người được khen tiếp tục thực hiện những hành vi tốt của mình, định hướng cho người khác noi theo.

3.2 Phương pháp Trách-Phạt:

Là phương pháp tác động đến cá nhân biểu thị sự không đồng tình, phản đối, phê phán những hành vi sai trái của người được giáo dục. Buộc người được giáo dục từ bỏ hành vi có hại cho xã hội, điều chỉnh ứng xử theo đúng các chuẩn mực xã hội.

Trách-phạt là phương pháp có ý nghĩa quan trọng của QTGD. Vì trách phạt tạo cơ hội buộc người có lỗi làm ngừng những hành động sai trái một cách tự giác, nâng cao ý thức tự kiểm chế để trong tương lai không tái phạm nữa. Đồng thời nhắc nhở người khác không vi phạm những chuẩn mực xã hội, hoặc rơi vào những hành vi sai trái.

Trách phạt có thể đi từ thấp tới cao:

- Nhắc nhở.
- Chê trách
- Phê phán
- Cảnh cáo
- Buộc thôi học
- Đuổi học

Những điều chú ý khi Trách-Phạt:

- Đảm bảo trách phạt công bằng (đúng mức với lỗi lầm, đúng người, lỗi lầm vô tình hay cố ý...). Có thiện trí mong muốn và tin vào người được giáo dục trở thành người tốt. Tránh định kiến hay thiên vị.
- Phải làm cho người bị trách-phạt thấy rõ sai lầm và chấp nhận hình thức, mức độ hình phạt đối với mình. Ân hận về lỗi lầm của mình, quyết tâm sửa chữa, không tái phạm.
- Tôn trọng nhân phẩm người bị trách-phạt không làm nhục hay xúc phạm người bị phạt, không dùng trách phạt để trả thù cá nhân. Giúp họ hướng sửa chữa và luôn tin ở sự tiến bộ của người bị trách-phạt.
- Đảm bảo tính cá biệt và tạo được dư luận tập thể trong khi trách-phạt.

Tóm lại: Chúng ta phải lấy khen thưởng là chủ yếu, trách phạt là cần thiết. Không lạm dụng trách phạt trong QTGD.

3.3 Những yêu cầu khi sử dụng phương pháp Khen-Thưởng, Trách-Phạt:

- Khen-thưởng, trách-phạt kích thích trực tiếp hành vi cá nhân, không khen-thưởng, trách-phạt một nhân cách, mà chỉ khen-thưởng, trách-phạt hành vi đúng hay sai của cá nhân đó.
- Khen-thưởng, trách-phạt phải có động cơ và cá biệt (chú ý đến hoàn cảnh, động cơ, đặc điểm lứa tuổi, cá nhân, cương vị, kinh nghiệm cá nhân).
- Sức mạnh khen-thưởng, trách-phạt phụ thuộc vào: Ai khen, phạt; có uy tín hay không; sức mạnh của dư luận xã hội.
- Khen-thưởng, trách-phạt sử dụng có chừng mực về tần số, cường độ, không sử dụng mãi cho một hình thức.
- Không phạt tập thể vì ít tác dụng giáo dục.

- Khen-thưởng, trách-phạt chú ý tôn trọng nhân cách con người.

Kết luận :

Trong QTGD không có phương pháp giáo dục nào là vạn năng hoặc tối ưu. Mỗi phương pháp có những ưu, nhược điểm riêng của nó. Vì vậy cần phối hợp các phương pháp giáo dục một cách hợp lý và mềm dẻo, linh hoạt.

Những điều kiện lựa chọn phương pháp giáo dục:

- Mục tiêu giáo dục cụ thể.
- Nội dung giáo dục cụ thể.
- Đặc điểm đối tượng giáo dục.
- Khả năng của nhà giáo dục.
- Điều kiện thực tế để vận dụng các phương pháp giáo dục.

Cần kết hợp và thống nhất giữa hoạt động của nhà giáo dục với hoạt động của người được giáo dục. Tuyệt đối tránh hai xu hướng: áp đặt, khi đề cao vai trò nhà giáo dục, hoặc tự do vô tổ chức trong giáo dục khi đề cao vai trò người được giáo dục.

